

-----***-----

-----oOo-----

Số: 08/2021/TB/TLD

V/v: Công bố thông tin

Hà Nội, ngày 29 tháng 04 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh**

Tên Tổ chức phát hành: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN
ĐÔ THỊ THĂNG LONG

Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ
THĂNG LONG

Trụ sở chính: Thôn Trung, xã Liên Trung, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 024.3363.1063 Fax: 024.3373.3333

Mã chứng khoán: TLD

Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông

Sàn giao dịch: HSX

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Phạm Văn Tuyền

Điện thoại: 024.3363.1063

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ X

Nội dung thông tin công bố: Công bố thông tin về Báo cáo tài chính Quý I/2021 của CTCP Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Thăng Long (TLD) kèm theo giải trình chênh lệch kết quả kinh doanh. (Chi tiết theo File đính kèm).

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tại đường dẫn <http://www//thanglongdeco.com/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- SGDC, UBCK;
- Lưu VT.



NGUYỄN AN NGỌC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN
ĐÔ THỊ THĂNG LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

-----***-----

-----o0o-----

Số: 03/2021/CV/TLD

Hà Nội, ngày 29 tháng 04 năm 2021

V/v: Giải trình BCTC Q1/2021

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC (UBCKNN)
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

1. Tên Công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển và Xây dựng Đô thị Thăng Long
2. Mã chứng khoán: TLD
3. Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Trung, Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng, Hà Nội
4. Điện thoại: 024 3363 1063
5. Nội dung giải trình:

Giải trình chênh lệch biến động về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trên Báo cáo tài chính Quý 1 năm 2021 so với Báo cáo tài chính Quý 1 năm 2020 như sau:

CHỈ TIÊU	Quý 1 năm 2021 (VND)	Quý 1 năm 2020 (VND)	Chênh lệch (+/- VND)	Tỉ lệ tăng giảm (%)
A. Báo cáo tài chính hợp nhất				
Doanh thu thuần	48.263.066.978	107.539.448.892	(-59.276.381.914)	(-55%)
Lợi nhuận sau thuế	1.364.802.120	4.535.075.672	(-3.170.273.552)	(-69,9%)
B. Báo cáo tài chính riêng				
Doanh thu thuần	37.342.914.504	71.578.853.892	(34.235.939.388)	(-47,8%)
Lợi nhuận sau thuế	1.363.214.856	4.495.584.151	(-3.132.369.295)	(-69,67%)

Chênh lệch về doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính Quý 1 năm 2021 so với cùng kỳ năm 2020 do các nguyên nhân chủ yếu sau:

A. Báo cáo tài chính hợp nhất

+ **Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ** Quý 1 năm 2021 của Công ty giảm 55.% nhưng **Lợi nhuận sau thuế giảm 69,9%** so với Quý 1 năm 2020 chủ yếu do ảnh hưởng của dịch covid 19 , giá nguyên liệu và các chi phí đầu vào tăng, giá bán ra lại giảm so với năm trước. Mặt khác có một số khách hàng đã ký hợp đồng đặt hàng với DN , nhưng sau đó lại chưa lấy hàng do chưa có nguồn tiêu thụ .Tuy nhiên các khoản chi phí cố định vẫn phát sinh dẫn đến lợi nhuận giảm .

B. Báo cáo tài chính riêng

+ **Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ** Quý 1 năm 2021 của Công ty mẹ giảm 47,8% **Lợi nhuận sau thuế giảm 69,67..%** so với cùng kỳ năm 2020. Cũng do nguyên nhân chủ yếu ảnh hưởng của dịch covid 19 , giá nguyên liệu và các chi phí đầu vào



tăng, giá bán ra lại giảm so với năm trước. Mặt khác có một số khách hàng đã ký hợp đồng đặt hàng với DN, nhưng sau đó lại chưa lấy hàng do chưa có nguồn tiêu thụ. Tuy nhiên các khoản chi phí cố định vẫn phát sinh dẫn đến lợi nhuận giảm.

Vậy Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển và Phát triển Đô thị Thăng Long xin giải trình các lý do chênh lệch tại Báo cáo tài chính Quý 1 năm 2021 so với cùng kỳ năm 2020 như trên để Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh được biết.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



NGUYỄN AN NGỌC



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THẮNG LONG
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2021



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	04-05
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	06-07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	08
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	09-29

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển đô thị Thăng Long (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn An Ngọc	Chủ tịch
Ông Nguyễn An Quân	Thành viên
Bà Phạm Văn Cường	Thành viên
Ông Phạm Văn Tuyền	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Hải	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn An Quân	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Tuyền	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Lê Thị Huyền Thanh	Trưởng ban
Ông Trần Đức Mưu	Thành viên
Bà Mai Thị Hương Lan	Thành viên

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- lện trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/03/2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn An Quân
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 2021

10:
0N
00
X
TR
•N
10/

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THĂNG LONG

Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2021

Mã s	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/03/2021	01/01/2021
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		310,200,549,030	319,719,742,380
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	16,959,364,634	25,884,901,512
111	1. Tiền		16,959,364,634	25,884,901,512
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	6,303,056,372	6,490,000,000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		6,303,056,372	6,490,000,000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		157,759,725,855	153,827,273,500
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	61,458,814,644	56,849,973,993
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	32,033,761,211	39,150,017,551
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	50,000,000,000	50,000,000,000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	14,267,150,000	7,827,281,956
140	IV. Hàng tồn kho	9	119,343,417,215	123,071,164,342
141	1. Hàng tồn kho		119,343,417,215	123,071,164,342
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		9,834,984,954	10,446,403,026
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	65,454,544	191,116,527
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		7,123,333,440	7,776,583,549
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		2,646,196,970	2,478,702,950
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		304,240,615,106	305,873,861,612
220	II. Tài sản cố định		93,619,155,802	96,565,940,762
221	1. Tài sản cố định hữu hình		93,619,155,802	96,565,940,762
222	- Nguyên giá		136,757,696,421	137,598,753,564
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(43,138,540,619)	(41,032,812,802)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	10	138,061,382,757	137,199,020,851
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		138,061,382,757	137,199,020,851
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	69,357,695,568	68,781,823,994
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		69,357,695,568	68,781,823,994
260	VI. Tài sản dài hạn khác		3,202,380,979	3,327,076,005
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	3,202,380,979	3,165,679,472
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	.a	-	161,396,533
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		614,441,164,136	625,593,603,992

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2021

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/03/2021	01/01/2021
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		172,680,278,603	185,197,520,579
310	I. Nợ ngắn hạn		144,640,703,673	155,677,335,635
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	31,118,520,832	41,428,561,666
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	23,048,296,500	28,397,785,000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		532,842,484	520,341,633
314	4. Phải trả người lao động		55,234,000	32,280,000
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	14	382,478,990	228,818,258
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		89,503,330,867	85,069,549,078
330	II. Nợ dài hạn		28,039,574,930	29,520,184,944
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		28,039,574,930	29,520,184,944
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		441,760,885,533	440,396,083,413
410	I. Vốn chủ sở hữu	15	441,760,885,533	440,396,083,413
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		399,563,720,000	399,563,720,000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		399,563,720,000	399,563,720,000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(38,050,000)	(38,050,000)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		9,000,000	9,000,000
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		37,777,373,954	36,395,520,623
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước</i>		36,395,520,623	16,866,242,448
421b	<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>		1,381,853,331	19,529,278,175
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		4,448,841,579	4,465,892,790
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		614,441,164,136	625,593,603,992

Trần Thị Nga

Trần Thị Nga



Trần Thị Nga
Người lập

Trần Thị Nga
Kế toán trưởng

Nguyễn An Quân
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THĂNG LONG

Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Quý I năm 2021

Mã : CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý I năm 2021		Quý I năm 2020		Lũy Kế	
		VND	VND	VND	VND	Quý I năm 2021	Quý I năm 2020
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	48,263,066,978	48,263,066,978	107,539,448,892	107,539,448,892	48,263,066,978	107,539,448,892
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-	-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	48,263,066,978	48,263,066,978	107,539,448,892	107,539,448,892	48,263,066,978	107,539,448,892
11	4. Giá vốn hàng bán	44,418,084,326	44,418,084,326	99,915,718,340	99,915,718,340	44,418,084,326	99,915,718,340
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3,844,982,652	3,844,982,652	7,623,730,552	7,623,730,552	3,844,982,652	7,623,730,552
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	1,963,030,315	1,963,030,315	61,291,188	61,291,188	1,963,030,315	61,291,188
22	7. Chi phí tài chính	3,260,469,592	3,260,469,592	1,892,673,792	1,892,673,792	3,260,469,592	1,892,673,792
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	3,260,469,592	3,260,469,592	1,892,673,792	1,892,673,792	3,260,469,592	1,892,673,792
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	287,935,787	287,935,787	(86,358,510)	(86,358,510)	287,935,787	(86,358,510)
25	9. Chi phí bán hàng	39,043,408	39,043,408	-	-	39,043,408	-
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	1,385,043,494	1,385,043,494	1,070,344,344	1,070,344,344	1,385,043,494	1,070,344,344
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1,411,392,260	1,411,392,260	4,635,645,094	4,635,645,094	1,411,392,260	4,635,645,094
31	12. Thu nhập khác	100,744,639	100,744,639	254,268	254,268	100,744,639	254,268
32	13. Chi phí khác	55,098,870	55,098,870	52,147,873	52,147,873	55,098,870	52,147,873
40	14. Lợi nhuận khác	45,645,769	45,645,769	(51,893,605)	(51,893,605)	45,645,769	(51,893,605)

50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1,457,038,029	4,583,751,489	1,457,038,029	4,583,751,489
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20	48,675,817	92,235,909	48,675,817
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>1,364,802,120</u>	<u>4,535,075,672</u>	<u>1,364,802,120</u>	<u>4,535,075,672</u>
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	1,381,853,331	4,534,786,997	1,381,853,331	4,534,786,997
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	(17,051,211)	288,675	(17,051,211)	288,675
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	21	242	35	242
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	-	-	-	-

[Handwritten signature]

Trần Thị Nga
Người lập

Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 2021

[Handwritten signature]

Trần Thị Nga
Kế toán trưởng



Nguyễn An Quán
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THĂNG LONG

Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán Quý I năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Quý I năm 2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã : CHỈ TIÊU	Thuyết r	Lũy Kế	Lũy Kế
		Quý I năm 2021	Quý I năm 2020
		VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01 1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	1,457,038,029	4,583,751,489
	<i>2. Điều chỉnh cho các khoản</i>		
02 -	Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	2,105,727,817	2,312,039,112
05 -	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	(2,250,966,102)	(61,291,188)
06 -	Chi phí lãi vay	3,260,469,592	1,892,673,792
08 3.		4,572,269,336	8,727,173,205
	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước th		
09 -	Tăng, giảm các khoản phải thu	(3,275,945,074)	(27,025,696,719)
10 -	Tăng, giảm hàng tồn kho	3,727,747,127	4,479,443,705
11 -		(12,742,590,749)	(13,823,951,046)
	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi		
12 -	Tăng, giảm chi phí trả trước	88,960,476	149,212,723
14 -	Tiền lãi vay đã trả	(3,260,469,592)	(1,892,673,792)
15 -	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	1,461,283	(164,050,000)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>(10,888,567,193)</i>	<i>(29,550,541,924)</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21 1.		-	(9,248,605,698)
	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố đị		
27 2.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	1,963,030,315	61,291,188
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>1,963,030,315</i>	<i>(9,187,314,510)</i>
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33 1.	Tiền thu từ đi vay	-	30,430,375,534
34 2.	Tiền trả nợ gốc vay	-	(20,458,477,790)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>-</i>	<i>9,971,897,744</i>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(8,925,536,878)	(28,765,958,690)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	25,884,901,512	33,031,967,034
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	16,959,364,634	4,266,008,344

guyc

guyc



Trần Thị Nga

Người lập

Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 2021

Trần Thị Nga

Kế toán trưởng

Nguyễn An Quân

Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý I năm 2021

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Thăng Long (tên viết tắt THANGLONG

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 380.540.220.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 03 năm 2021 là 399.563.720.000 đồng; tương đương 39.956.372 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Công ty kinh doanh các lĩnh vực thương mại, dịch vụ, xây lắp và sản xuất công nghiệp nhẹ.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Lắp đặt hệ thống điện;
- Dịch vụ chăm sóc duy trì cảnh quan (Chi tiết: trồng cây, chăm sóc và duy trì Công viên và vườn cho: Nhà riêng và công cộng, Công trình công cộng hoặc bán công cộng (trường học, bệnh viện, cơ quan hành chính, nhà thờ,...), Khu đất đô thị (công viên, khu vực cây xanh, nghĩa trang,...), cây trên trục cao tốc (đường bộ, đường tàu hỏa, xe điện, cảng), tòa nhà công nghiệp và thương mại; Trồng cây xanh cho: các tòa nhà (vườn trên nóc, vườn mặt trước, vườn trong nhà), sân thể thao, sân chơi và công viên giải trí khác (sân thể thao, sân chơi, bãi cỏ phơi nắng, sân golf), nước theo luồng và nước tĩnh (bồn, vùng nước đối lưu, ao, bể bơi, mương, sông, suối, hệ thống cây xanh trên vùng nước thải), trồng cây để chống lại tiếng ồn, gió, sự ăn mòn, chói sáng);
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (Chi tiết: Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng: Thang máy, cầu thang tự động, các loại cửa tự động, hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống hút bụi, hệ thống âm thanh, hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí);
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (trừ mặt hàng Nhà nước cấm);
- Khách sạn;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu: Hoạt động của các khu giải trí, bãi biển; Hoạt động hội chợ và trưng bày các đồ trang trí mang tính chất giải trí tự nhiên;
- Kinh doanh lữ hành;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Cho thuê máy móc, thiết bị, đồ dùng hữu hình khác;

Hoạt động chính của Công ty (tiếp theo):

- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Công trình điện, công trình bưu chính viễn thông, c
- Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Lập dự án đầu tư xây dựng công trình;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THĂNG LONG

Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2021

- Bán lẻ hoa và cây cảnh;
- Mua bán đồ thanh lý;
- Mua bán điện nông thôn;
- Dịch vụ bốc, dỡ hàng hóa;
- Dịch vụ vận tải hàng hóa đường thủy;
- Dịch vụ vận tải hàng hóa đường bộ bằng ô tô;
- Dịch vụ trang trí nội, ngoại thất;
- Nhập khẩu gỗ, chế biến nông sản, lâm sản (trừ các loại Nhà nước cấm);
- Mua bán xăng dầu và bếp ga;
- Khai thác, mua bán đá, cát, sỏi;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Mua bán vật liệu xây dựng;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Sản xuất vật liệu xây dựng;

Cấu trúc Tập đoàn

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/03/2021 bao gồm:

<u>Tên công ty</u>	<u>Trụ sở chính</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty CP Xây dựng Thương mại và Sản xuất Ván ép Thăng Long	Hà Nội	0.9857143	0.9857143	doanh gỗ, ván bóc
Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Chế biến Lâm sản Thăng Long	Hà Nội	0.90625	0.90625	doanh gỗ, ván bóc

Công ty có các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát quan trọng được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31.03.2021 bao gồm:

<u>Tên công ty</u>	<u>Trụ sở chính</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty CP Xây dựng và Thương mại Hưng Thịnh	Hà Nội	0.45	0.45	doanh gỗ, ván bóc
Công ty CP ván ép Đồng Hới	Quảng Bình	0.33	0.33	doanh gỗ, ván bóc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THĂNG LONG

Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2021

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản tại ngày góp vốn hoặc Khi nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là 10 năm. Định kỳ Công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THĂNG LONG

Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2021

2.10 . Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08 năm

2.11 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.14 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo đối chi tiết theo nguyên tệ.

33
ĐM
01
XÁ
TRH
NG
ON

2.15 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong mỗi năm tài chính được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hoá được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang. Tỷ lệ vốn hoá chi phí lãi vay trong kỳ là: ... %

2.16 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.17 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phân anh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THĂNG LONG

Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2021

2.18 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thường hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thường hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thường hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất có liên quan.

2.19 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

Số
C.Y.
N
UN
Đ
OM
TP

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THĂNG LONG

Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2021

2.20 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.21 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.22 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

2.23 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/03/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	10,417,502,141	8,954,747,510
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6,541,862,493	16,930,154,002
	16,959,364,634	25,884,901,512

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THĂNG LONG

Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2021

5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/03/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
Công ty Cổ phần đầu tư phát triển xây dựng Miền Bắc	5,013,895,455	0	5,013,895,455	0
Công ty TNHH MTV ván ép Tây Hà Nội	22,246,991,868	0	20,984,387,900	0
Phải thu khách hàng khác	34,197,927,321	0	30,851,690,638	0
	61,458,814,644	0	56,849,973,993	0
Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan				
	0	0	659048500	0

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 24)

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/03/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Xây dựng vận tải và Thương mại Công Huy	5,017,925,191	0	5,017,925,191	0
Công ty TNHH MTV Ván ép Tây Hà Nội	3,985,990,600	0	1,992,995,600	0
Đối tượng khác	23,029,845,420	0	32,139,096,760	0
	32,033,761,211	0	39,150,017,551	0

7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY

	31/03/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Bà Nguyễn Thị Hoa	20,000,000,000	0	20,000,000,000	0
Ông Lâm Văn Đào	30,000,000,000	0	30,000,000,000	0
	50,000,000,000	0	50,000,000,000	0

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THĂNG LONG

Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2021

8 . PHẢI THU KHÁC

	31/03/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
Tạm ứng	1,000,000	0	0	0
Ký cược, ký quỹ	0	0	1,827,281,956	0
Phải thu khác	14,266,150,000	0	6,000,000,000	0
	14,267,150,000	0	7,827,281,956	0

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/03/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	26,696,885,686	0	28,672,071,374	0
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	25,535,786,042	0	31,583,076,808	0
Thành phẩm	27,735,281,680	0	21,005,087,947	0
Hàng hoá	39,375,463,807	0	41,810,928,213	0
	119,343,417,215	0	123,071,164,342	0

10 . TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN

b) Xây dựng cơ bản dở dang

	31/03/2021 VND	01/01/2021 VND
Mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản	138,061,382,757	137,199,020,851
- Mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản	138,061,382,757	137,199,020,851
	138,061,382,757	137,199,020,851

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/03/2021 VND	01/01/2021 VND
	a) Ngắn hạn	
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	65,454,544	191,116,527
	65,454,544	191,116,527
b) Dài hạn		
Chi phí CCDC	406,584,372	111,497,446
Phí bảo dưỡng xe	0	127,408,327
Phí kiểm định	0	96,552,092
Chi phí san lấp mặt bằng	2,795,796,607	2,830,221,607
	3,202,380,979	3,165,679,472

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THĂNG LONG

Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán Quý I năm 2021

12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/03/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng tr. VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn Công ty TNHH Thuận Hà	3,080,926,727	0	3,449,757,543	0
Chi nhánh công ty Cổ phần đầu tư BKG Việt Nam	7,635,416,910	0	0	0
Phải trả các đối tượng khác	20,402,177,195	0	37,978,804,123	0
	31,118,520,832	0	41,428,561,666	0

13 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/03/2021 VND	01/01/2021 VND
a) Ngắn hạn		
Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Mê Linh (CT hạ tầng đấu giá QSD đất)	22,848,446,000	26,118,785,000
BQLDA đầu tư XD huyện Phúc Thọ - CT đường Sen Chiểu	0	2,279,000,000
Phải trả khác	199,850,500	0
	23,048,296,500	28,397,785,000

14 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/03/2021 VND	01/01/2021 VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	50,972,499	45,215,499
- Bảo hiểm xã hội	271,105,096	154,562,759
- Bảo hiểm y tế	40,578,990	0
- Bảo hiểm thất nghiệp	16,104,105	0
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	3,718,300	29,040,000
	382,478,990	228,818,258

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THĂNG LONG

Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2021

15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm nay	399,563,720,000	(38,050,000)	9,000,000	36,395,520,623	4,465,892,790	440,396,083,413
Lãi/lỗ trong kỳ nay	-	-	-	1,381,853,331	(17,051,211)	1,364,802,120
Số dư cuối kỳ nay	399,563,720,000	(38,050,000)	9,000,000	37,777,373,954	4,448,841,579	441,760,885,533

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THĂNG LONG

Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2021**Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Quý I năm 2021	Quý I năm 2020
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	399,563,720,000	399,563,720,000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	0	187,197,880,000
- <i>Vốn góp tăng trong kỳ</i>	0	19,022,950,000
- <i>Vốn góp giảm trong kỳ</i>	0	193,342,890,000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	399,563,720,000	399,563,720,000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm</i>	0	0
Cổ phiếu		
	31/03/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	39,956,372	39,956,372
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	39,956,372	39,956,372
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	39,956,372	39,956,372
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	39,956,372	39,956,372
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	39,956,372	39,956,372
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10,000	10,000
e) Các quỹ công ty		
	31/03/2021	01/01/2021
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	9,000,000	9,000,000
	9,000,000	9,000,000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THĂNG LONG
Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho kỳ kế toán Quý I năm 2021

17 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Quý I năm 2021 VND	Quý I năm 2020 VND	Quý I năm 2020 y kế Quý I năm 2020 VND	Lũy kế Quý I năm 2020 VND
Doanh thu bán hàng, thành phẩm, cung cấp dịch vụ	48,263,066,978	107,539,448,892	48,263,066,978	107,539,448,892
	<u>48,263,066,978</u>	<u>107,539,448,892</u>	<u>48,263,066,978</u>	<u>107,539,448,892</u>

18 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Quý I năm 2021 VND	Quý I năm 2020 VND	Quý I năm 2020 y kế Quý I năm 2020 VND	Quý I năm 2020 y kế Quý I năm 2020 VND
Giá vốn bán hàng, thành phẩm, cung cấp dịch vụ	44,418,084,326	99,915,718,340	44,418,084,326	99,915,718,340
	44,418,084,326	99,915,718,340	44,418,084,326	99,915,718,340

19 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Quý I năm 2021 VND	Quý I năm 2020 VND	Quý I năm 2020 y kế Quý I năm 2020 VND	Quý I năm 2020 y kế Quý I năm 2020 VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1,963,030,315	61,291,188	1,963,030,315	61,291,188
	1,963,030,315	61,291,188	1,963,030,315	61,291,188

20 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Quý I năm 2021 VND	Quý I năm 2020 VND	Quý I năm 2020 y kế Quý I năm 2020 VND	Quý I năm 2020 y kế Quý I năm 2020 VND
Lãi tiền vay	3,260,469,592	1,892,673,792	3,260,469,592	1,892,673,792
	3,260,469,592	1,892,673,792	3,260,469,592	1,892,673,792

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÓ THỊ THẮNG LONG
 Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho kỳ kế toán Quý I năm 2021

21 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Quý I năm 2021 VND	Quý I năm 2020 VND	Quý I năm 2021 VND	Quý I năm 2020 VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ	92,235,909	48,675,817	92,235,909	48,675,817
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	92,235,909	48,675,817	92,235,909	48,675,817

22 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Quý I năm 2021 VND	Quý I năm 2020 VND	Quý I năm 2021 VND	Quý I năm 2020 VND
Lợi nhuận sau thuế	1,381,853,331	4,535,075,672	1,381,853,331	4,535,075,672
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	1,381,853,331	4,535,075,672	1,381,853,331	4,535,075,672
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	39,956,372	18,719,788	39,956,372	18,719,788
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	35	242	35	242

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THĂNG LONG

Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán Quý I năm 2021

22 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán 31/03/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	16,959,364,634	0	25,884,901,512	0
Phải thu khách hàng, phải thu khác	75,725,964,644	0	64,677,255,949	0
Các khoản cho vay	50,000,000,000	0	50,000,000,000	0
Đầu tư ngắn hạn	6,303,056,372	0	6,490,000,000	0
Đầu tư dài hạn	0	0	0	0
	148,988,385,650	0	147,052,157,461	0
Giá trị sổ kế toán				
	31/03/2021		01/01/2021	
	VND		VND	
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			117,542,905,797	114,589,734,022
Phải trả người bán, phải trả khác			31,500,999,822	41,657,379,924
			149,043,905,619	156,247,113,946

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THĂNG LONG

Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2021**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Tại ngày 01/01/2021				
Đầu tư ngắn hạn	6,490,000,000	0	0	6,490,000,000
	6,490,000,000	0	0	6,490,000,000

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Tại ngày 01/01/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	25,884,901,512	0	0	25,884,901,512
Phải thu khách hàng, phải thu khác	64,677,255,949	0	0	64,677,255,949
Các khoản cho vay	50,000,000,000	0	0	50,000,000,000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THĂNG LONG

Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà
Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2021

140,562,157,461

0

0

140,562,157,461

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THĂNG LONG

Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán Quý I năm 2021

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Tại ngày 01/01/2021				
Vay và nợ	85,069,549,078	29,520,184,944	0	114,589,734,022
Phải trả người bán, phải trả khác	41,657,379,924	0	0	41,657,379,924
	126,726,929,002	29,520,184,944	0	156,247,113,946

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

23 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

24 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

bên liên quan như sau: (riêng đối với các khoản vay với các bên liên quan được nêu chi tiết tại thuyết minh số .)

Giao dịch phát sinh trong kỳ:		0	825,190,000
	Mối quan hệ	Quý I năm 2021	Quý I năm 2020
		VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ		0	342,595,000
Công ty CP Xây dựng và Thương mại Hưng Thịnh	Công ty liên kết	0	342,595,000
Mua hàng hóa, dịch vụ		0	70,000,000
Công ty CP Xây dựng và Thương mại	Công ty liên kết	0	70,000,000
Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:		0	0
	<u>Mối quan hệ</u>	<u>31/03/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
		VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng		0	659,048,500
Công ty CP Xây dựng và Thương mại Hưng Thịnh	...	0	659,048,500

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THĂNG LONG

Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2021

25 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 2020 và quý I năm 2020.



Trần Thị Nga
Người lập



Trần Thị Nga
Kế toán trưởng



Nguyễn An Quân
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 2021